TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kế Sách, ngày 26 tháng 8 năm 2020.

Số: 255/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý 370/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa:

* *Nguyên đơn* Lê Văn N, sinh năm 1988.
Địa chỉ: ấp A, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng
* *Bị đơn* Lê Thị H, sinh năm 1992.
Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Văn N và bà Lê Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lê Văn N và bà Lê Thị H thuận tình ly hôn.

2.2 *Về con chung và vấn đề cấp dưỡng*: Ông N và bà H đều thừa nhận có một con chung tên Lê Ngọc H1, sinh ngày 05/11/2013. Con chung tên H1 có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với mẹ là bà H sau khi cha mẹ cháu ly hôn. Ông N và bà H thỏa thuận, bà H là người trực tiếp nuôi con chung tên Lê Ngọc H1, sinh ngày 05/11/2013 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Ông N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở ông N thực hiện quyền này.

2.3 *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 *Án phí sơ thẩm hòa giải thành*: Ông N đồng ý chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền

tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) mà ông N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tiền số 0006554 ngày 10/8/2020. Ông N được nhận lại tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã G-M-Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tô Thị Bích Duyên